TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **125**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/05/2022
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – CB hưu trí
Bà Thiều Thị Phi Loan – CB hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2022/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/05/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1983
Hộ khẩu thường trú: 546B, tổ 14A, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981.
Hộ khẩu thường trú: 546B, tổ 14A, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 1996 (Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/12/2012). Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hai vợ chồng

không có tiếng nói chung, bàn bạc vấn đề gì là xảy ra cãi nhau. Xét thấy, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hiện nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn.

- Về con chung: Khi chung sống cả hai vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Vũ Minh H, sinh ngày 14/09/2013; Nguyễn Minh V, sinh ngày 25/10/2014. Sau khi ly hôn bà xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H, cháu V. Bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải**: Ông và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào năm 1996 (Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/12/2012). Quá trình chung sống ông và bà H có xảy ra xích mích, cãi vã nhưng ông còn thương bà H, thương con nên bà H xin ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Vũ Minh H, sinh ngày 14/09/2013 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 25/10/2014. Trường hợp bà H kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý giao cháu Huy, cháu V cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà H không yêu cầu ông cấp dưỡng cho con, ông đồng ý.

Tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Minh H, sinh ngày 14/09/2013 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 25/10/2014 cho bà Vũ Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan

hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà H là nguyên đơn còn ông T là bị đơn trong vụ án.

- Ông Nguyễn Văn T xác định hiện nay ông đang cư trú tại số nhà: 546B, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn T, ông T có lên Tòa án làm việc. Sau đó, ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà H cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 1996 (Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/12/2012). Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Bà H và ông T đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay, nhận thấy tình cảm thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng trong đời sống chung vợ chồng thì cả bà H và ông T trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, việc này cũng được ông T thừa nhận trong bản tự khai cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Từ đó, nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của bà H và ông T không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Trong thời gian chung sống bà H và ông T có 02 con chung là Nguyễn Vũ Minh H, sinh ngày 14/09/2013 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 25/10/2014. Tại bản tự khai cháu H và cháu V đều có nguyện vọng xin ở với bà H. Ông T cũng đồng ý giao các con cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Nguyễn Vũ Minh H, sinh ngày 14/09/2013 và cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 25/10/2014 cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được đảm bảo quyền thăm non con; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001411 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H. Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà H và ông T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Vũ Minh H, sinh ngày 14/09/2013; cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 25/10/2014. Ly hôn, giao cháu H và cháu V cho bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Nguyễn Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H và ông T thống nhất tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

- Nợ chung: Các đương đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001411 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 30/7/2018,

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn.

Bà Trương Thị Thìn.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 697/2018/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Nghiên, sinh năm 1979

Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tạc, sinh năm 1972

Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

(Chị Nghiên có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tạc vắng mặt không có lý do))

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: Chị Đỗ Thị Nghiên nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với Anh Đỗ Văn Tạc, sinh năm 1972; Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn Tạc nhưng anh Tạc vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa; ngày 27/07/2018, chị Đỗ Thị Nghiên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt chị Nghiên và anh Tạc.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Đỗ Thị Nghiên và anh Đỗ Văn Tạc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con. Nhưng từ năm 2011, giữa hai người phát sinh mâu thuẫn bắt nguồn từ chuyện tình cảm và kinh tế, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xung

đột lẫn nhau, cả hai không còn tôn trọng nhau. Bản thân anh Tạc nhiều lần nhục mạ chị Nghiên và gia đình chị, đe dọa chị về tinh thần, chị cũng đã nhiều lần tha thứ để níu kéo cuộc sống hôn nhân, nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nghiên làm đơn xin được ly hôn với anh Tạc. Xét thấy, theo biên bản xác minh ngày 11/05/2018, địa phương nơi chị Nghiên và anh Tạc sinh sống đã xác nhận anh, chị trong quá trình chung sống thường xuyên cải vã, mâu thuẫn, xô xát với nhau, gia đình sống không hòa thuận. Như vậy, trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị Nghiên cũng xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Tạc, nên mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc chị Nghiên xin ly hôn với anh Tạc là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: có 03 con chung là cháu:

Đỗ Lan Anh, sinh ngày 25/06/2000.

Đỗ Hồng Anh, sinh ngày 26/04/2002.

Đỗ Kim Anh, sinh ngày 06/12/2011.

Sau khi ly hôn chị Nghiên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Không yêu cầu anh Tạc phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của chị Nghiên là chính đáng, bởi lẽ hiện nay các cháu Đỗ Lan Anh; Đỗ Hồng Anh và Đỗ Kim Anh đang sống cùng với chị Nghiên và do chị Nghiên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu cũng tự nguyện muốn được ở với mẹ, nên được chấp nhận. Sau khi ly hôn Chị Nghiên và anh Tạc vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Tạc có quyền thăm nom con; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn, chị Nghiên xác định về tài sản chung các bên tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh Tạc vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của anh Tạc nên được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Đỗ Thị Nghiên phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Nghiên và anh Tạc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 30 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thìn Nguyễn Trung Diễn Đồng Thị Hồng

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**